

08/2025 VIET NAM - NORTH EAST COAST- HAI PHONG - New Editions.

New Editions of HSD-North charts published 18th March 2025

<i>Chart</i>	<i>Title, limits and other remarks</i>	<i>Scale</i>
VN50008	Inner approaches to Hai Phong Main Sheet 20°47'24"N - 20°57'22"N, 106°40'23"E - 106°55'13"E Inset 20°51'54"N - 20°54'56"N, 106°36'57"E - 106°40'39"E <i>Includes significant safety information as follows: changes to depths, contours, marine farms, buoyage, vertical clearance.</i>	1:25,000
VN50007	Outer approaches to Hai Phong 20°38'50"N - 20°48'37"N, 106°47'10"E - 107°02'00"E <i>Includes significant safety information as follows: changes to depths, contours.</i>	1:25,000
VN40001	Hai Phong - Hon Gai harbour limit 20°31'07"N - 21°00'12"N, 106°36'30"E - 107°14'30"E <i>Includes significant safety information as follows: changes to depth contours, depths.</i>	1:75,000

(All positions are referred to WGS84 Datum)

08/2025 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Phiên bản mới.

Phiên bản mới được sản xuất bởi HSD-North ngày 18 tháng 3 năm 2025

<i>Hải đồ</i>	<i>Tiêu đề, giới hạn và các ghi chú khác</i>	
VN50008	Luồng Hải Phòng đoạn trong Bản chính 20°47'24"N - 20°57'22"N, 106°40'23"E - 106°55'13"E Bản phụ 20°51'54"N - 20°54'56"N, 106°36'57"E - 106°40'39"E <i>Bao gồm các thông tin an toàn như: Thay đổi độ sâu, đường đẳng sâu, khu nuôi trồng thủy sản, hệ thống phao, chiều cao lưu thông.</i>	1:25,000
VN50007	Luồng Hải Phòng đoạn ngoài 20°38'50"N - 20°48'37"N, 106°47'10"E - 107°02'00"E <i>Bao gồm các thông tin an toàn như: Thay đổi độ sâu, đường đẳng sâu.</i>	1:25,000
VN40001	Vùng nước cảng biển Hải Phòng - Hòn Gai 20°31'07"N - 21°00'12"N, 106°36'30"E - 107°14'30"E <i>Bao gồm các thông tin an toàn như: Thay đổi đường đẳng sâu, độ sâu.</i>	1:75,000

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)